

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47 /2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 – 8 – 2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Ông Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lệ Q** - sinh năm 1993; CCCD 075193002189 cấp ngày 27/4/2021.

Nơi thường trú: Số G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số Q, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thái S** - sinh năm: 1982; CCCD số 075082002331.

Địa chỉ: Số G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Q, anh S đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ Q trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh S có quen biết tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/12/2012. Đây là hôn nhân lần đầu của chị Q.

Sau khi kết hôn vợ chồng tạm thời đi thuê trọ ở một thời gian sau đó do chị Q có thai và sinh em bé nên vợ chồng về chung sống tại địa chỉ nhà chồng tại địa chỉ số G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2- 3 năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S không tu chí làm ăn lo cho gia đình, ham chơi dẫn đến nợ nần, chị Q đã thay anh S trả nợ nhiều lần với hy vọng anh S sẽ thay đổi nhưng anh S vẫn chứng nào tật nấy. Thậm chí sau khi C anh S mắc bệnh nặng, chị Q đã tận tình chăm sóc và chữa trị, sau đó bệnh tình anh S có thuyên giảm, chị hy vọng sau lần này anh sẽ thay đổi tuy nhiên anh vẫn không chịu sửa đổi. Một mình kinh tế trong gia đình do chị Q gánh vác nên cuộc sống hết sức khó khăn.

Khoảng tháng 01/2023 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị Q đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống. Từ đó, vợ chồng quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 08/7/2013. Khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay tôi làm thuê (bán hàng) thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Ngoài ra chị Q còn có cha mẹ đẻ phụ giúp, con chung hiện sống cùng chị Q.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Thái S***: Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024 bị đơn anh S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và Q quen biết tìm hiểu một thời gian thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/12/2012.

Sau khi kết hôn do đặc thù công việc nên vợ chồng tôi thuê nhà trọ để ở. Đến năm 2013 sau khi vợ chồng có con thì vợ chồng anh chị về nhà cha mẹ anh S tại số G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai để ở cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng sau mùa covid khoảng năm 2022, nguyên nhân do sau khi anh S bị covid và không làm ra tiền chu cấp cho gia đình nên chị Q thường gây sự vô cớ và dần dần không còn tình cảm vợ chồng mà lạnh nhạt với anh. Việc chị Q khai anh nhậu nhẹt anh không thừa nhận do những lần anh nhậu đa phần đều là hai vợ chồng cùng nhậu chung và chị Q cũng thường đưa bạn về nhà nhậu.

Chị Q khai anh không có việc làm, không lo làm ăn là không đúng sự thật do trước khi bị bệnh anh có kinh doanh quán nhậu và làm thêm ngoài để có thêm thu nhập lo cho gia đình. Thậm chí sau khi chị Q sinh con đã tạm nghỉ một thời gian nên kinh tế trong gia đình do anh gánh vác.

Khoảng đầu năm 2023 chị Q tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ để ở cho đến nay, chị Q không cho anh biết lý do, vợ chồng cũng không xảy ra cãi vã gì. Từ khi

chị Q bỏ đi đến nay hai vợ chồng không liên lạc gì cũng không gặp gỡ nhau, chỉ khi cuối tuần anh lên gặp và đón cháu N về nhà nội chơi, tuy nhiên dù có gặp mặt vợ chồng cũng không còn quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống, độc lập về mọi mặt. Anh cũng không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Q.

Nay chị Q nộp đơn khởi kiện ly hôn, anh đồng ý do anh S đã hết tình cảm và không còn muốn vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên do chị Q đưa ra lý do ly hôn không đúng nên anh S không đồng ý ký thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 08/7/2013. Khi ly hôn anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp cháu N có nguyện vọng sống cùng mẹ anh vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu do chị Q không có nhà cửa ổn định mà sống cùng gia đình. Hiện nay anh S làm vườn, làm mướn, rửa xe thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn có “Đơn xin xét xử vắng mặt”, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ Q được ly hôn với anh Nguyễn Thái S; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 08/7/2013 cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Lệ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết nuôi con chung, căn cứ

quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Nguyễn Thái S hiện đang cư trú tại số G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Lệ Q và anh Nguyễn Thái S tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/12/2012. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị Q, anh S là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Q và anh S đã để xảy ra mâu thuẫn khoảng năm 2022. Vợ chồng thiếu sự quan tâm, thấu hiểu nhau và thiếu trách nhiệm trong việc xây dựng cuộc sống hôn nhân nên để xảy ra mâu thuẫn. Khoảng từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị Q và anh S đều cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Anh S cũng thừa nhận thời gian vợ chồng ly thân vợ chồng không còn qua lại tình cảm với nhau. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy chị Q và anh S đều có thái độ bỏ mặc, không còn sự quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị Q và anh S đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có biện pháp khắc phục để đoàn tụ chung sống, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị Q và anh S chung sống có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 08/7/2013, hiện đang do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị Q cũng đề nghị được tiếp tục nuôi con nếu tòa án giải quyết ly hôn.

Xét việc nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị Q và anh S xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân cháu N do chị

Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S thỉnh thoảng cuối tuần có về thăm con. Hiện cháu N chưa tròn 18 tuổi và có nguyện vọng sống cùng với mẹ, hiện nay chị Q làm thuê, có thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Q có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần cũng như phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 08/7/2013 cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Q không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Q và anh S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về quan điểm giải quyết vụ án* là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ Q về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Lệ Q được ly hôn với anh Nguyễn Thái S.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 08/7/2013 cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thái S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Lệ Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007877 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Lệ Q và anh Nguyễn Thái S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Quang Trung, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 239/2012 quyền số 01/2012 ngày 27/12/2012);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

